|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG****TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **Tiết 34: ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II****MÔN : GDCD 6**Thời gian làm bài: 45 phút |

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HOC KỲ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch nội dung** | **Chủ đề** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tỉ lệ** | **Tổng điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1 | **Giáo dục KNS** | **Ứng phó với tình huống nguy hiểm.** | **2 câu** |  |  |  |  |  |  |  | **2 câu** |  | **0.5** |
| 2 | **Giáo dục kinh tế** | **Tiết kiệm** | **2 câu** |  |  |  |  |  |  |  |  **2 câu** |  | **0.5** |
| 3 | **Giáo dục pháp luật** | **Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam** | **4 câu** |  |  | **1/2 câu** |  | **1/2 câu** |  |  | **4 câu** | **1 câu** | **5.0** |
| **Quyền trẻ em.** | **4 câu** |  |  | **1/2 câu** |  |  |  | **1/2 câu** | **4 câu** | **1 câu** | **4.0** |
| ***Tổng*** | **12** |  |  | **1** |  | **1/2** |  | **1/2** | **12** | **2** | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | **30%** | **30%** | **30%** | **10%** | **30%** | **70%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** | **100%** |

**III/BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch nội dung** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1****2** | **Giáo dục KNS** **Giáo dục kinh tế** | **1. Ứng phó với tình huống nguy hiểm** | **Nhận biết:** **-** Nhận biết được các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.- Nêu được hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.**Thông hiểu:** Trình bày được các cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.**Vận dụng:** Thực hành cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. | 2 TN |  |  |  |
| **2. Tiết kiệm** | **Nhận biết:** **-** Nêu đượckhái niệm của tiết kiệm. - Nêu đượcbiểu hiện của tiết kiệm (thời gian, tiền bạc, đồ dùng, điện, nước, ...).**Thông hiểu:** - Giải thích được ý nghĩa của tiết kiệm.**Vận dụng:** - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.- Phê phán những biểu hiện lãng phí thời gian, tiền bạc, đồ dùng...**Vận dụng cao:** Nhận xét đánh giá việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. | 2 TN |  |  |  |
| **3** | **Giáo dục pháp luật** | **3. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam** | **Nhận biết:** **-** Nêu được kháiniệm công dân.- Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.**Thông hiểu:** - Trình bày được căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam.**Vận dụng:** Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam. | 4 TN | 1/2 TL | 1/2 TL |  |
|  |  | **4. Quyền trẻ em.** | **Nhận biết:** - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.- Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.**Thông hiểu:** - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; - Giải thích được ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.- Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em.**Vận dụng:** Bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. **Vận dụng cao**: Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.  |  4 TN | 1/2 TL |  | 1/2 TL |
|  | **Tổng**  | **12 TN** | **1 TL** | **1 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** |  | **30%** | **25%** | **30%** | **15%** |
| **Tỉ lệ chung** | **100%** | **30%** | **70%** |

**III/ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM** (3,0 điểm – mỗi lựa chọn đúng cho 0,25 điểm)

**Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.**

**Câu 1**. *Tình huống nguy hiểm nào dưới đây gây ra bởi con người?*

1. Dông, sét. C. Bão, lũ lụt.
2. Bị bắt cóc. D. Dòng nước xoáy.

**Câu 2**. *Ngạt và nhiễm độc khí dẫn tới tử vong là hậu quả của tình huống nguy hiểm nào dưới đây?*

1. Hoả hoạn. B. Đuối nước.

C. Điện giật. D. Sét đánh.

**Câu 3**. *Tiết kiệm là biết sử dụng hợp lý, đúng mức*

1. tiền bạc, thời gian, sức lực của mình và của người khác.
2. của cải vật chất, thời gian, sức lực của mình và của người khác.
3. các nguồn điện năng, nước ngọt, thời gian, sức lực của mình và của người khác.
4. các đồ vật quý hiếm, thời gian, sức lực của mình và của người khác.

**Câu 4**. *Biểu hiện nào dưới đây là biểu hiện của tiết kiệm?*

1. Tập trung cất giữ tiền mà không chi tiêu.
2. Sử dụng đồ vật của người khác, bảo quản đồ vật của mình.
3. Tiết kiệm tiền, phung phí sức khoẻ và thời gian.
4. Tận dụng thời gian để học tập và hoàn thiện bản thân.

**Câu 5.** *Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền tham gia của trẻ em?*

1. Trẻ em có quyền có quốc tịch.
2. Trẻ em mồ côi được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ.
3. Trẻ em được tiêm phòng vacxin theo quy định của nhà nước.

 D. Trẻ em được viết thư kết bạn giao lưu với bạn bè.

**Câu 6**. *Công dân là cá nhân, con người cụ thể, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của*

1. một quốc gia. B. nhiều quốc gia.

C. một số quốc gia lớn. D. toàn thế giới.

**Câu 7**. *Việc xác định công dân của một nước được căn cứ vào yếu tố nào dưới đây?*

1. Màu da. B. Ngôn ngữ.

C. Quốc tịch. D. Nơi cư trú.

**Câu 8**. *Theo Hiến pháp 2013, công dân Việt Nam* ***không*** *có quyền nào dưới đây?*

1. Có nơi ở hợp pháp.
2. Tự do đi lại và cư trú trong nước.
3. Tiếp cận mọi thông tin liên quan đến bí mật quốc gia.
4. Tự do ngôn luận.

**Câu 9**. *Theo Hiến pháp 2013, công dân Việt Nam* ***không*** *có nghĩa vụ nào dưới đây?*

1. Thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
2. Tuân theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam.
3. Tham gia bảo vệ an ninh Quốc gia, trật tự an toàn xã hội.
4. Có nghĩa vụ tuyệt đối trung thành với luật pháp quốc tế.

**Câu 10**. *Quyền nào dưới đây* ***không*** *phải là quyền cơ bản của trẻ em?*

1. Quyền được bảo vệ tính mạng, thân thể.
2. Quyền được chăm sóc sức khoẻ.
3. Quyền tự do vui chơi, giải trí thoả thích.
4. Quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện.

**Câu 11**. *Hành vi nào dưới đây thể hiện sự* ***thiếu*** *trách nhiệm gia đình đối với việc thực hiện quyền trẻ em?*

1. Nuôi ăn mặc đầy đủ nhưng luôn để các em ở nhà một mình.
2. Lắng nghe ý kiến cá nhân của các em.
3. Đưa đi kiểm tra và khám sức khoẻ định kì.
4. Không cho phép các em bỏ học để đi làm.

**Câu 12.** *Hành vi nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối việc thực hiện quyền trẻ em?*

1. Tiến hành phổ cập giáo dục đối với học sinh Trung học cơ sở.
2. Thu hẹp các khu vui chơi giải trí của trẻ em để xây dựng nhà ở.
3. Xét xử qua loa với những vụ bạo hành trẻ em.
4. Yêu cầu trẻ phải vâng lời người lớn một cách vô điều kiện.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 1** (4,0 điểm)

 Các bạn Tuyết, Dũng trong các trường hợp dưới đây có phải là công dân Việt Nam không? Vì sao?

 a. Tuyết được sinh ra và lớn lên Hà Nội, có bố là người Anh, mẹ mang quốc tịch Việt Nam. Bố mẹ Tuyết quyết định sinh sống tại Việt Nam và đăng kí khai sinh cho Tuyết ở Việt Nam. (1,0 đ)

 b. Dũng là con lai, em có màu tóc, màu mắt của người Châu Âu. Ai cũng bảo em giống người Pháp nhưng từ khi sinh ra em lại không biết bố mẹ mình là ai. Em đang được nuôi dạy tại một nhà Dòng ở Sài Gòn. (3,0 đ)

**Câu 2** (3,0 điểm)

 Bố mẹ lo sợ bị bạn xấu lôi kéo rủ rê nên đã kiểm soát bạn Tùng rất chặt chẽ. Hằng ngày, bố mẹ luôn tự đưa đón Tùng đi học dù nhà gần trường. Bố mẹ còn không cho Tùng tham gia bất cứ hoạt động ngoại khoá nào do lớp hoặc trường tổ chức. Thậm chí có lần, Tùng còn bắt gặp mẹ đang đọc nhật kí của mình. Tùng rất buồn nhưng chỉ in lặng không dám nói gì.

a. Em có nhận xét gì về suy nghĩ và hành động im lặng của Tùng trong trường hợp trên? (2,0 đ)

b. Nếu em là Tùng, em sẽ làm gì để bảo vệ các quyền cơ bản của mình? (1,0 đ)

**IV/HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10  | 11  | 12  |
| **Đáp án** | B | A | B | D | D | A | C | C | D | C | A | A |

**\* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.**

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 ,0điểm)

| **Câu hỏi**  | **Nội dung**  | **Điểm**  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1****(4,0 điểm)**  | a. Tuyết là công dân Việt Nam vì bạn ấy có quốc tịch Việt Nam, mặc dù Bố là quốc tịch nước ngoài, mẹ là quốc tịch Việt Nam và bố mẹ Tuyết đã thoả thuận để Tuyết được khai sinh ở Việt Nam, tức là mang quốc tịch Việt Nam.b. Dũng là công dân Việt Nam vì trẻ em bị bỏ rơi ở Việt Nam đều được mang quốc tịch Việt Nam và trở thành công dân Việt Nam. Lưu ý: Trường hợp chỉ nêu đúng được các bạn trong mỗi trường hợp a, b, c là công dân Việt Nam nhưng không giải thích được thì trừ 0.5 điểm/ trường hợp . |  1. điểm

3.0 điểm    |
| **Câu 2** **(3,0 điểm)** | a. Em có nhận xét gì về suy nghĩ và hành động im lặng của Tùng trong trường hợp trên?Nêu được nhận xét và giải thích phù hợp cho nhận xét của em về hành đông của Tùng ; trường hợp chỉ nêu được nhận xét.b. Nếu em là Tùng, em sẽ làm gì để bảo vệ các quyền cơ bản của mình? Đề xuất được cách làm phù hợp kèm hành động phù hợp; trường hợp chỉ đề xuất được cách làm . | 2 điểm  1 điểm |

**BAN GIÁM HIỆU TỔ CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN**

 Hoàng Thị Thủy

Phạm Thị Thu